

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẢNG BOM  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **58/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 17- 05 - 2022.

V/v: “T/c ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đào Duy Mạnh.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Đinh Xuân Dậu và ông Nguyễn Đình Quang.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thúy Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Hữu Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 05 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 03/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 04 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 04 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị N, sinh năm 1999.

**- Bị đơn:** Anh Lê Vĩnh N, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ cư trú: Số 109, đường Thanh Bình, tổ 23, ấp Đ, xã H, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

*(Chị N đề nghị xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt không có lý do).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/12/2021 và trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn chị Bùi Thị N trình bày:**

Chị Bùi Thị N và anh Lê Vĩnh N tự nguyện chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 2015, đến năm 2018 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

Chị và anh Lê Vĩnh N phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh N có tâm lý bất ổn, có lối sống tình dục lệch lạc, hay nghi ngờ ghen tuông vô cớ, rất hung hăng, mất kiểm soát, thường xuyên bạo hành đánh đập, khủng bố tinh thần chị.

Ngoài ra, anh N còn là người thiếu trách nhiệm về công việc, lo toan kinh tế và nuôi dạy con cái. Từ tháng 10 năm 2021, chị N đã dọn ra ở riêng tại kiok chị thuê để làm việc, vợ chồng sống ly thân từ thời điểm đó cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống chung vợ chồng không thể tiếp tục được nữa nên chị cương quyết xin ly hôn với anh Lê Vĩnh N để giải thoát.

Về con chung: Chị N và anh N có 02 con chung là Lê Ngọc Thùy D, sinh ngày 31/8/2015 và Lê Minh P, sinh ngày 05/6/2017. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, yêu cầu anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền cho chị N nuôi con với mức cấp dưỡng mỗi tháng cho một con là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Chị N cam kết vợ chồng không có nợ chung.

**\* *Tại bản tự khai đề ngày 14/01/2022, bị đơn anh Lê Vĩnh N trình bày ý kiến:***

Anh N không đồng ý ly hôn với chị Bùi Thị N vì anh còn tình cảm với chị N, hai con của anh chị còn quá nhỏ nên anh không muốn hai cháu phải thiếu thốn tình cảm của cha và mẹ, đề nghị Tòa án hỗ trợ hòa giải hàn gắn tình cảm của anh với chị N. Nguyên nhân chị N xin ly hôn với anh là do chị N có quan hệ tình cảm với người đàn ông có tên tài khoản Facebook là Cường Bá.

Về con chung: Anh và chị Bùi Thị N có 02 con chung là Lê Ngọc Thùy D, sinh ngày 31/8/2015 và Lê Minh P, sinh ngày 05/6/2017. Trường hợp phải ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng tiền cho anh N nuôi con chung.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

***Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu ý kiến:***

***Về tố tụng:*** Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng;

***Về đường lối giải quyết vụ án:*** Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Bùi Thị N được ly hôn với anh Lê Vĩnh N. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Lê Ngọc Thùy Dung, sinh ngày 31/8/2015 và Lê Minh P, sinh ngày 05/6/2017. Vì cả hai cháu còn nhỏ đang được chị N trực tiếp chăm sóc, chị N có công việc, chỗ ở ổn định. Buộc anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng mỗi tháng cho một con là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Tài sản chung và nợ chung nguyên đơn, bị đơn đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Buộc nguyên đơn phải nộp án phí DSST về việc ly hôn, bị đơn phải nộp án phí DSST về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Bùi Thị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Lê Vĩnh N hiện đang cư trú tại ấp Đ, xã H, huyện TB, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Chị Bùi Thị N có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt, anh Lê Vĩnh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án:

### 2.1. Về yêu cầu xin ly hôn:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị N, anh Lê Vĩnh N là hôn nhân hợp pháp, vì họ kết hôn tự nguyện, được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn quy định tại khoản 2 Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật công nhận, bảo vệ.

Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã kêu gọi chị N đoàn tụ nhưng chị N vẫn cương quyết ly hôn vì anh Lê Vĩnh N có tâm lý bất ổn, có lối sống tình dục lệch lạc, hay nghi ngờ ghen tuông vô cớ, rất hung hăng, mất kiểm soát, thường xuyên bạo hành đánh đập, khủng bố tinh thần chị. Anh N cho rằng chị N có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Lê Vĩnh N đến Tòa án để làm việc, vận động hàn gắn đoàn tụ nhưng anh N không chấp hành, cố tình vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Thực tế, chị N và anh N đã sống ly thân từ tháng 10/2021 đến nay.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị Bùi Thị N và anh Lê Vĩnh N đã xảy ra trong thời gian dài, đã trầm trọng, giữa họ không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc đến nhau, hôn nhân không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận cho chị Bùi Thị N được ly hôn với anh Lê Vĩnh N.

### 2.2. Về con chung:

Chị N và anh N đều yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung Lê Ngọc Thùy D, sinh ngày 31/8/2015 và Lê Minh P, sinh ngày 05/6/2017.

Xét thấy, cả hai con chung đều còn nhỏ, hiện đang do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không nên phân chia cho chị N, anh N mỗi người nuôi một con vì sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý của các cháu, cần tạo điều kiện thuận lợi để các cháu có sự gắn kết chặt chẽ tình cảm chị em. Mặt khác, chị N có chỗ ở, công việc, thu nhập ổn định nên điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cho 02 con chung tốt hơn. Anh N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về các điều kiện nuôi con. Do đó, giao cho chị Bùi Thị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung Lê Ngọc Thùy D, sinh ngày 31/8/2015 và Lê Minh P, sinh ngày 05/6/2017 là đảm bảo việc phát triển toàn diện cho các con và phù hợp với quy định của pháp luật.

Anh Lê Vĩnh N không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền cho chị Bùi Thị N nuôi con chung. Mức cấp dưỡng tùy thuộc vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng chị N yêu cầu mỗi tháng cho một con là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.3. *Về tài sản chung*: Chị Bùi Thị N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Lê Vĩnh N cũng không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2.4. *Về nợ chung*: Chị Bùi Thị N trình bày không có, anh Lê Vĩnh N không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chị Bùi Thị N phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; anh Lê Vĩnh N phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai thì thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị N, cho chị Bùi Thị N được ly hôn với anh Lê Vĩnh N.

**2. Về con chung:** Giao cho chị Bùi Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Ngọc Thùy D, sinh ngày 31/8/2015 và Lê Minh P, sinh ngày 05/6/2017;

Anh Lê Vĩnh N có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền cho chị Bùi Thị N nuôi con chung với mức cấp dưỡng mỗi tháng cho một con là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 17/05/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh Lê Vĩnh N.

Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

**3. Về tài sản chung, nợ chung:** Các đương sự không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**4. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Chị Bùi Thị N phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000371 ngày 30/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Anh Lê Vĩnh N phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con. Chị Bùi Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS. huyện Trảng Bom;
- UBND xã Hố Nai 3- H. Trảng Bom;
- ( Số 52 ngày 10/04/2018);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Duy Mạnh**